

CÔNG TY TNHH BEU GROUP COSMETICS VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BEU GROUP COSMETICS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEU GROUP COSMETICS VIET NAM LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: BEU GROUP VN

2. Mã số doanh nghiệp: 2400998883

3. Ngày thành lập: 16/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Bách Nhẫn, Trung Thành, Xã Hùng Sơn, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0968119291

Fax:

Email: dunganh.tckt@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn sách, báo, tạp chí, Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng nội thất	4649
3.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị cơ khí công nghiệp	4659
6.	Bán buôn tổng hợp	4690
7.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
8.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
9.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ Mỹ phẩm	4772

10.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4791
11.	Vận tải hàng hóa đường sắt (Điều 21 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP)	4912
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Điều 6, 7, 8, 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP của Chính phủ)	4931
13.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Điều 6, 7, 8, 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP của Chính phủ)	4932
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô (Điều 9, 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính Phủ)	4933
15.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Điều 5, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP; khoản 2 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP)	5021
16.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Điều 10 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP)	5022
17.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
20.	Bốc xếp hàng hóa	5224
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ logistic; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ khai thuế hải quan	5229
22.	Xuất bản phần mềm	5820
23.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
24.	Hoạt động hậu kỳ (Loại trừ hoạt động báo chí)	5912
25.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Loại trừ hoạt động báo chí)	5913
26.	Hoạt động chiếu phim	5914
27.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920

28.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ thoại, Dịch vụ fax, Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ nhắn tin; Dịch vụ kết nối internet; Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng gồm: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax giá tăng giá trị; Dịch vụ truy nhập internet Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
29.	Lập trình máy vi tính	6201
30.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
32.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
33.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
34.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng internet	6399
35.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
36.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ hoạt động đấu giá)	6820
37.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
38.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
39.	Quảng cáo	7310
40.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
41.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website	7410
42.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
43.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm (trừ cho thuê lao động)	7810
44.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
45.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
46.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
47.	Dịch vụ đóng gói	8292
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
49.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
50.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

51.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo kỹ năng mềm và kỹ năng về sự sống	8559
52.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
53.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
54.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
55.	Hoạt động thể thao khác	9319
56.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
57.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
58.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023(Chính)
59.	Xây dựng nhà để ở	4101
60.	Xây dựng nhà không để ở	4102
61.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
62.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
63.	Xây dựng công trình điện	4221
64.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
67.	Xây dựng công trình thủy	4291
68.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
69.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71.	Phá dỡ	4311
72.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
73.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
75.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
76.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
77.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
78.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610

6. Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN ANH DŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/02/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024091018779

Ngày cấp: 08/12/2021 Nơi cấp: Cục trưởng CCS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Nội Xuân, Xã Mai Trung, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nội Xuân, Xã Mai Trung, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 18/02/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024091018779

Ngày cấp: 08/12/2021 Nơi cấp: Cục trưởng CCS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Nội Xuân, Xã Mai Trung, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nội Xuân, Xã Mai Trung, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang